

**TÒA ÁN NHÂN DÂN      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Q. THANH KHÊ – TP. ĐÀ NẴNG      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **64/2025/HS-ST**

Ngày: 20-6-2025

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuân

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Trung Nam

Ông Đặng Ngọc Thúy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Lê Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 60/2025/TLST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2025/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 06 năm 2025 đối với bị cáo:

**Phan Văn T**, Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 16 tháng 5 năm 1990. Tại: Quảng Trị; Nơi ĐKKH thường trú và chỗ ở: khóm V, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông. Trình độ học vấn: 12/12 ; Con ông Phạm Văn T1 (sinh năm 1964) và bà Lê Thị Thu H (sinh năm 1972); Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai; Vợ là Nguyễn Thị Hồng H1, có 02 con con lớn nhất sinh năm 2017 và con nhỏ sinh năm 2020

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

- Bản án số 09/2021/ HSST ngày 09/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị xử phạt Phan Văn T 02 năm 04 tháng tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"

- Bản án số 62/2021/ HSST ngày 30/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt Phan Văn T 03 năm 03 tháng tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"

- Bản án số 24/2022/ HSST ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt Phan Văn T 02 năm 06 tháng tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và áp dụng Điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt của bản án số 09 và bản án số 62 thành hình phạt chung 08 năm 01 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù từ ngày 26/9/2020.

Bị cáo hiện đang trong thời gian chấp hành án tại Trại tạm giam Công an T3.

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1982; Chỗ ở: P, khu B Chung cư V, quận S, Tp .. có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Vĩnh Huyền Hồng V, sinh năm 1989; Chỗ ở: P, khu B Chung cư V, quận S, Tp .. vắng mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Văn T với anh Nguyễn Hồng Q (*sinh năm: 1982; trú: P, khu B Chung cư V, quận S, TP Đà Nẵng*) có quan hệ quen biết với nhau. Do cần tiền để trả nợ cho người khác và tiêu xài cá nhân, nên T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh Q. Để thực hiện ý định, T đã đưa ra thông tin gian dối là mình đang cần tiền gấp đặt cọc mua đất. Ngày 13/02/2019, T gọi điện thoại và nhắn tin qua mạng xã hội Z hỏi mượn anh Q số tiền 150.000.000đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*) để đặt cọc mua đất tại quận L, thành phố Đà Nẵng, thời gian mượn tiền là 15 ngày, kể từ ngày 13/02/2019 đến ngày 28/02/2019. Anh Q nghĩ T mua đất nên đồng ý, do lúc này T nói đang ở Huế nên anh Q yêu cầu T viết một giấy mượn tiền rồi chụp ảnh gửi qua Z cho anh Q để làm tin. Sau khi nhận được giấy mượn tiền gửi qua Zalo do T viết và ký, anh Q gọi điện thoại cho vợ là chị Vĩnh Huyền Hồng V1 (*sinh năm: 1989; trú: Phòng P, khu B Chung cư V, quận S, TP Đà Nẵng*) chuyển tiền cho T mượn. Lúc này, chị V1 đang ở tại Ngân hàng Đ, chi nhánh Đ1 địa chỉ số H đường H, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng nên đã sử dụng dịch vụ chuyển tiền trực tuyến Internet Banking để chuyển số tiền 150.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của T số 040069140388 mở tại ngân hàng S. Sau khi T nhận được số tiền 150.000.000 đồng, T đã sử dụng để tiêu xài cá nhân. Do quá thời hạn cam kết, anh Q không thấy T trả lại tiền nên gọi điện thoại và nhắn tin qua Zalo cho T thì T lấy nhiều lý do để trì hoãn rồi cắt đứt liên lạc với anh Q và T bỏ đi khỏi địa phương. Ngày 16/12/2019, anh Q làm đơn tố cáo hành vi của T đến Công an quận T.

\* Kết luận giám định số: 136/KL-KTHS ngày 14/02/2025 của Phòng K Công an thành phố T3 kết luận:

- Chữ viết mang tên Phan Văn T trên các mẫu cần giám định gồm 01 (một) “BẢN TƯỜNG TRÌNH”, ghi ngày 12/11/2020 và 01 (một) “GIẤY XÁC NHẬN”, ghi ngày 12/11/2020 so với chữ viết đứng tên Phan Văn T trên các mẫu so sánh gồm 01 (một) “BIÊN BẢN GHI LỜI KHAI”, ghi ngày 12/11/2020; 01 (một) “BIÊN BẢN GHI LỜI KHAI”, ghi ngày 21/01/2025 và 01 (một) “BẢN TỰ KHAI/BẢN TƯỜNG TRÌNH”, ghi ngày 21/01/2025 do cùng một người viết ra;

- Chữ ký mang tên Phan Văn T trên các mẫu cần giám định gồm 01 (một) “BẢN TƯỜNG TRÌNH”, ghi ngày 12/11/2020 và 01 (một) “GIẤY XÁC NHẬN”, ghi ngày 12/11/2020 so với chữ ký đứng tên Phan Văn T trên mẫu so

sánh là 01 (một) “BIÊN BẢN GHI LỜI KHAI”, ghi ngày 12/11/2020 do cùng một người ký ra.

\* Vật chứng tạm giữ: Không.

\* Trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Nguyễn Hồng Q yêu cầu Phan Văn T phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt. Ông Phan Văn T2 và bà Lê Thị Thu H là cha mẹ ruột của T đã bồi thường cho anh Q đủ số tiền 150.000.000 đồng. Anh Q có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho T và không có yêu cầu gì khác.

Quá trình điều tra, bị cáo Phan Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 63/CT-VK ngày 04 tháng 6 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Phan Văn T về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thực hành quyền công tố Nhà nước giữ nguyên toàn bộ nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: đề nghị HĐXX tuyên buộc bị cáo Phan Văn T về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"

- Về hình phạt:

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ **03** năm đến **03** năm **06** tháng tù.

+ Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt **08** năm **01** tháng tù của bản án số 24/2022/HS - ST Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế và hình phạt của bản án này. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án theo quy định pháp luật.

- Về trách nhiệm dân sự: gia đình bị cáo Phan Văn T là ông Phan Văn T2 và bà Lê Thị Thu H là cha mẹ ruột của T đã bồi thường cho anh Q đủ số tiền 150.000.000 đồng. Anh Q có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho T và không có yêu cầu gì khác nên không đề nghị xem xét

- Về án phí: bị cáo Phan Văn T chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo Phan Văn T nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T3, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự,

thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T3, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra, xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa hôm nay bị cáo Phan Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền để trả nợ cho người khác, bị cáo Phan Văn T đã có hành vi gian dối đưa các thông tin về việc đặt cọc đất tại quận L để anh Nguyễn Hồng Q nhờ chị Vĩnh Huyền Hồng V1 (vợ anh Q) chuyển tiền 150.000.000đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*) vào tài khoản cá nhân của T số 040069140388 mở tại ngân hàng S rồi chiếm đoạt cho việc tiêu xài cá nhân. Hành vi trên đây của bị cáo Phan Văn T đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” . Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng số 63/CT-VKS ngày 04/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, TP . đã truy tố bị cáo Phan Văn T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là phù hợp, đúng người đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo Phan Văn T là người trưởng thành có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức được hành vi sai phạm nhưng cố tình đưa các thông tin gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác lấy tiền tiêu xài cho mục đích cá nhân. Hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an xã hội tại đại phương nên cần xét xử nghiêm minh để răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và quyết định hình phạt:

Bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhưng có nhân thân xấu: Bị cáo đã bị xét xử nhiều lần về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể: Bản án số 09/2021/ HSST 09/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị xử phạt Phan Văn T 02 năm 04 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; Bản án số 62/2021/ HSST Ngày 30/6/2021 Tòa án nhân dân tỉnh T xử phạt Phan Văn T 03 năm 03 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” ; Bản án số 24/2022/HSST của Tòa án nhân dân TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt Phan Văn T 02 năm 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và áp dụng Điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt của bản án số 09 và bản án số 62, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 08 năm 01 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù từ ngày 26/9/2020. Ngoài ra, bị cáo khai số tiền chiếm đoạt của anh Q được bị cáo sử dụng vào việc đăng ký tài khoản để chơi cá độ bóng đá và lô đề trên mạng nhưng sau đó bị cáo đã đăng xuất nên không nhớ tên tài khoản, không nhớ mật khẩu đăng nhập cho thấy ý thức pháp luật của bị cáo rất thấp cần phải xem xét để xử lý nghiêm minh. Tuy nhiên, xét quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, gia đình bị cáo đã bồi thường cho

anh Q số tiền 150.000.000 đồng và anh Q không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm và xin bãi nại, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo Phan Văn T trong các bản án nêu trên (hiện bị cáo đang chấp hành án) không được tính tái phạm do thời điểm bị cáo thực hiện hành vi lừa anh Q là xảy ra trước. Xét tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng và nhân thân của bị cáo, HĐXX thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một khoản thời gian tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo để bị cáo nhận thức được hành vi của mình, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

[5]. Bị cáo Phan Văn T đang chấp hành án 08 năm 01 tháng tù tại trại tạm giam Công an thành phố T3 theo bản án số 24/2022/HS - ST của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế nên HĐXX áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của bản án số 24/2022/HS - ST của Tòa án nhân dân thành phố Huế và hình phạt của bản án này, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án theo quy định.

[6] Về phần dân sự: Ông Phan Văn T2 và bà Lê Thị Thu H là cha mẹ ruột của T đã bồi thường cho anh Q đủ số tiền 150.000.000 đồng. Anh Q có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho T và không có yêu cầu gì khác nên HĐXX không xem xét phần bồi thường thiệt hại.

[7] Các vấn đề khác:

- Đối với việc Phan Văn T khai nhận có hành vi lô đề và cá độ bóng đá qua mạng nhưng không nhớ tên tài khoản, không nhớ mật khẩu đăng nhập, đã đăng xuất khỏi tài khoản, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T3 không thể trích xuất dữ liệu nên không có cơ sở xử lý là phù hợp.

- Đối với chị Vĩnh Huyền Hồng V1 (vợ anh Q) chuyển tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) từ tài khoản cá nhân của mình cho T nhưng chị thống nhất chuyển tiền giúp anh Q nên xác định là tiền của anh Q chị không có yêu cầu về số tiền này.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án bị cáo Phan Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Theo những nhận định như trên Hội đồng xét xử chấp nhận luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: bị cáo Phan Văn T đã phạm vào tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Xử phạt: Bị cáo Phan Văn T **03** (ba) năm tù.

- Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt **08** năm **01** tháng tù của bản án số 24/2022/HS - ST Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế và hình phạt **03** năm tù của bản án này. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **11** (mười một) năm **01** (một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/9/2020.

2. Về án phí: Bị cáo Phan Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng).

3. Về thời hạn kháng cáo: Bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 20/6/2025; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- CQCSĐT Công an TP Đà Nẵng;
- CCTHADS quận Thanh Khê;
- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Xuân**



